

Bản án số: 129/2021/DS-ST
Ngày: 31 - 5 -2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

1

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. trình bày:

Qua quen biết từ trước nên vào các ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018, vợ chồng ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. có cho bà Trần Thùy Trang A. vay số tiền là 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay là hai tháng kể từ ngày 23/10/2018, hợp đồng vay không lãi suất. Việc giao kết giữa các bên có lập Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn công chứng số 019119 ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018. Bà Trần Thùy Trang A. đã nhận đủ số tiền 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, sau nhiều lần nhắc nhở, gọi điện thoại nhưng bà Trang A. không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông T., bà H.. Nay ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. yêu cầu Tòa án Quận 7 giải quyết buộc bà Trần Thùy Trang A. trả lại tổng số tiền là 3.993.400.000 (Ba tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó số tiền gốc của Hợp đồng vay là 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi chậm trả tạm T.h đến ngày 31/5/2021 là $3.280.000.000 \times 29 \text{ (tháng)} \times 9\%/\text{năm} = 713.400.000$ đồng (Bảy trăm mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Trả ngay một lần sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật

Ngoài ra, ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. cam kết đây là nợ cá nhân giữa vợ chồng ông và bà Trần Thùy Trang A., không liên quan đến bất kỳ ai.

Bị đơn bà Trần Thùy Trang A. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 nhưng bà Trần Thùy Trang A. vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thùy Trang A. trả lại số tiền còn nợ tổng cộng theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn công chứng số 019119 ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018 là 3.993.400.000 (Ba tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó số tiền gốc là 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi chậm trả tạm T.h đến ngày 31/5/2021 là 713.400.000 đồng (Bảy trăm mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Theo kết quả xác minh của Công an phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trần Thùy Trang A., sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 817 đường P, Tổ 12, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ. Nguyên đơn ông T., bà H. đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà Trần Thùy Trang A.. Nay bà A. vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn, cơ quan có thẩm quyền quản lý cư trú biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thùy Trang A. đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Trần Thùy Trang A. đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bà A. phải chịu H. quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về nội dung tranh chấp của các đương sự:

Nguyên đơn ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thùy Trang A. trả lại số tiền còn nợ tổng cộng theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn công chứng số 019119 ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018 là 3.993.400.000 (Ba tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó số tiền gốc là 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), lãi chậm trả tạm T.h đến ngày 31/5/2021 là 713.400.000 đồng (Bảy trăm mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Trả ngay một lần sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Theo lời trình bày của ông T., bà H. thì do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông bà có cho bà Trần Thùy Trang A. vay số tiền là 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay là hai tháng kể từ ngày 23/10/2018, không lãi suất. Các bên có xác lập Hợp đồng vay tiền và được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn công chứng số 019119 ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018.

Xét, chủ thể ký kết, nội dung và hình thức Hợp đồng vay trên phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, bà Trần Thùy Trang A. đã nhận đủ tiền nhưng không trả nợ đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn công chứng số 019119 ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018. Cụ thể, bị đơn đã không trả bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn dù thời hạn thanh toán quy định tại hợp đồng cho vay trên đã hết hạn. Do đó, nguyên đơn ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. yêu cầu bị đơn bà Trần Thùy Trang A. phải trả số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả, nguyên đơn ông T., bà H. yêu cầu bị đơn bà A. phải trả số tiền lãi chậm trả tạm T.h đến ngày 31/5/2021 là 713.400.000 đồng (Bảy trăm mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó thời gian chậm trả là 29 tháng, lãi suất chậm trả là 9%/năm. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong hợp đồng vay tiền các bên thỏa thuận hợp đồng vay không lãi suất, nay nguyên đơn yêu cầu T.h lãi suất chậm trả 9%/năm là phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh phát sinh theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tuấn công chứng số 019119 ngày 22/10/2018 và ngày 23/10/2018 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở nên chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi chậm trả T.h đến ngày 31/5/2021 là 3.993.400.000 (Ba tỷ chín trăm chín mươi ba

triệu bốn trăm ngàn đồng). Tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông Võ Tấn T. và bà Nguyễn Ngọc H. số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 53.966.000 đồng (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041779 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Quyền kháng cáo: Ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. và bà Trần Thùy Trang A. có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. và bị đơn bà Trần Thùy Trang A..

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H..

2.1. Buộc bị đơn bà Trần Thùy Trang A. phải trả cho nguyên đơn ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. tổng số tiền nợ T.h đến ngày 31/5/2021 là 3.993.400.000 đồng (Ba tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó số tiền gốc là 3.280.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi chậm trả là 713.400.000 đồng (Bảy trăm mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thùy Trang A. còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thùy Trang A. phải chịu 111.868.000 đồng (Một trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H. số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 53.966.000 đồng (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041779 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn ông Võ Tấn T., bà Nguyễn Ngọc H.; Bị đơn bà Trần Thùy Trang A. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hồng Phúc